



B. CÁC DẠNG THƯỜNG GẶP

■ DẠNG 1. Ghi số tự nhiên, phân biệt số và chữ số, giá trị của chữ số

Phương pháp. *Bước 1.* Tách số thành từng lớp 3 chữ số kể từ phải sang trái để đọc.

Bước 2. Muốn tìm giá trị của một chữ số, hãy xác định *hàng* của chữ số đó (đếm từ phải sang trái: đơn vị, chục, trăm, nghìn, ...), rồi nhân chữ số với giá trị của hàng.

Lưu ý: khi viết *tập hợp các chữ số*, mỗi chữ số chỉ được liệt kê một lần.

Luyện tập 1.1. a) Viết tập hợp các chữ số của số 2389. b) Viết tập hợp các chữ số của số 2020.

Luyện tập 1.2. Cho các số 12 625; 140 962; 1 613 521; 2 156 937.

a) Đọc mỗi số đã cho;

b) Chữ số 6 trong mỗi số đã cho có giá trị là bao nhiêu?

Luyện tập 1.3. Viết các số 4528; 12 105 thành tổng giá trị các chữ số của nó.

■ DẠNG 2. Viết số tự nhiên theo yêu cầu cho trước

Phương pháp. *Bước 1.* Xác định số cần viết có bao nhiêu chữ số, chữ số nào ở hàng nào.

Bước 2. Viết số theo yêu cầu, chú ý:

- chữ số 0 *không* được đứng đầu bên trái;
- muốn số *lớn nhất* thì xếp chữ số lớn nhất lên hàng cao nhất; muốn số *nhỏ nhất* thì xếp chữ số nhỏ nhất (khác 0) lên hàng cao nhất.

Luyện tập 2.1. a) Viết số tự nhiên nhỏ nhất có bốn chữ số. b) Viết số tự nhiên nhỏ nhất có bốn chữ số khác nhau.

Luyện tập 2.2. a) Dùng ba chữ số 3; 4; 7, hãy viết tất cả các số tự nhiên có ba chữ số khác nhau.

b) Dùng ba chữ số 0; 2; 5, hãy viết tất cả các số tự nhiên có ba chữ số khác nhau.

Luyện tập 2.3. Dùng sáu chữ số 0; 2; 3; 5; 8; 9, hãy viết số lớn nhất và số nhỏ nhất có sáu chữ số (mỗi chữ số chỉ được viết một lần).

■ DẠNG 3. Đọc và viết số La Mã

Phương pháp. *Đọc:* tách số La Mã thành các cụm từ trái sang phải (XX, X, IX, IV, V, I ...) rồi cộng giá trị các cụm đó.

Viết: tách số cần viết thành *phần chục* + *phần đơn vị*; phần chục viết bằng X hoặc XX, phần đơn vị viết theo bảng từ I đến X, rồi ghép lại.

Luyện tập 3.1. a) Đọc các số La Mã sau: IX; XIX; XXII; XXVI.

b) Viết các số sau bằng chữ số La Mã: 15; 13; 24; 16; 30.

Luyện tập 3.2. a) Đọc các số La Mã sau: XXI; XXIII; XV; XVII; XXIV.

b) Viết các số sau bằng chữ số La Mã: 7; 12; 18; 27; 29.

Luyện tập 3.3. a) Đọc các số La Mã sau: XIV; XXVIII; XXIX.

b) Viết các số sau bằng chữ số La Mã: 4; 9; 19; 25.